TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 27-02-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp vốn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Đất tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 373/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐHPT-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Đỗ Tr, sinh năm 1963. Địa chỉ: 183/36 B, phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1965; Địa chỉ: 18 tổ 5, ấp P, xã H, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn B, sinh năm 1954. Địa chỉ: 18 tổ 5, P, xã H, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Dương Đỗ Tr trình bày:

Năm 2020, ông và vợ chồng bà Trần Thị L, ông Trần Văn B cùng làm chung ở trường dạy lái xe Hoàng Anh. Thời gian đó ông Tr thường xuyên ghé căn tin trường chỗ bà L bán để uống nước, tại đây ông được nghe bà L kể lại việc kinh doanh bất động sản của vợ chồng bà L ông B. Qua lời kể của bà L thì ông Tr được

biết ngoài công việc bán nước và bảo vệ tại trường thì vợ chồng bà L ông B còn làm kinh doanh môi giới, chuyển nhượng đất đai và đáo hạn ngân hàng. Sau đó bà L mời ông Tr góp vốn chung để nhận chuyển nhượng đất qua lại kiếm lời, ông Tr đồng ý. Ngày 24/4/2020, tại trường dạy lái xe Hoàng Anh, ông Tr có giao tiền mặt cho bà L để góp vốn số tiền 1.440.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và hai bên có làm giấy viết tay. Mục đích góp vốn theo như bà L bàn bạc trước đó là để nhận chuyển nhượng nhà đất có giá trị 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng). Sau khi giao tiền cho bà L thì ông được bà L dẫn đi xem nhà và thống nhất mua căn nhà đó, tuy nhiên sau đó vài ngày thì bà L gọi điện báo là căn nhà đó đang vướng tranh chấp không mua được. Một thời gian sau thì bà L nói đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất khác rồi nhưng do bà L đứng tên và hứa hẹn khi nào bán được thửa đất đó thì sẽ trả tiền gốc và lợi nhuận cho ông. Ông Tr không biết về thông tin thửa đất đó bà L nhận chuyển nhượng khi nào, giá trị thửa đất bao nhiêu, và do tin tưởng bà L nên ông không hỏi lại.

Năm 2022, vợ chồng bà L ông B nghỉ việc tại trường lái xe Hoàng Anh, thời điểm đó mẹ ông Tr ở quê bị bệnh cần tiền đi lại và chạy chữa nên ông Tr gặp bà L yêu cầu trả lại toàn bộ số tiền đã góp vốn thì được bà L trả lại 590.000.000đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng). Từ đó đến nay, ông Tr không L hệ được với vợ chồng bà L ông B. Ngoài số tiền này ông không nhận được khoản lợi nhuận hay số tiền nào khác từ vợ chồng bà L, ông B. Ông Tr có vợ là bà Lương Thị Quý, sinh năm 1968 nhưng đã ly hôn năm 2022, khi ly hôn đã thỏa thuận xong về tài sản, đây là tài sản riêng của ông, không L quan gì đến bà Quý.

Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết:

- Tuyên hủy hợp đồng góp vốn là giấy cam kết viết tay ngày 24/4/2020 do bà Trần Thị L đã lừa dối ông Tr về việc góp vốn nhận chuyển nhượng đất nhưng thực tế không có thửa đất nào và ông cũng không được chia lợi nhuận như cam kết.

- Buộc bà Trần Thị L phải trả số tiền góp vốn còn lại là 850.000.000đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị L và ông Trần Văn B vắng mặt, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà L, ông B mặc dù được triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt

không có lý do và cũng không gửi văn bản ý kiến cho Tòa là vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Bà Trần Thị L có làm ăn buôn bán chung đất với ông Đỗ Dương Tr, sinh năm 1963. Bà L cầm vốn của ông Đỗ Dương Tr số tiền 1.440.000.000đ. Giấy cam kết có chữ ký của bà Trần Thị L. Như vậy, theo cam kết ngày 24/4/2020 bà L nhận của ông Tr số tiền 1.440.000.000đ để hùn vốn mua đất. Nguyên đơn khai từ khi góp vốn để mua đất năm 2020 đến nay, ông cũng không biết gì về việc mua đất của bà L và cũng không được chia bất kỳ lợi nhuận nào từ khoản kinh doanh đất đai của bà. Giấy cam kết có chữ ký của bà L được niêm yết tại nhà bà L, bà L được tống đạt hợp lệ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối nên đây được xem là tình tiết không cần chứng minh theo quy định Điều 92 BLTTDS. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 423 BLDS bà L đã vi phạm nghĩa vụ nghiêm Tr trong hợp đồng do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn huỷ giấy cam kết góp vốn ngày 24/4/2020 giữa bà Trần Thị L và ông Đỗ Dương Tr có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ Điều 427 khi giấy cam kết góp vốn bị huỷ các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Bà L nhận của ông Tr 1.440.000.000đ nên có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Tr số tiền 1.440.000.000đ. Nguyên đơn trình bày, đến năm 2022, lâu không thấy tiền lời hùn vốn mua đất cộng thêm việc mẹ bị bệnh nên ông có hỏi lại số tiền trên thì bà L chuyển trả lại cho ông 590.000.000đ, số tiền còn nợ lại 850.000.000đ. Lời khai của nguyên đơn có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 850.000.000đ có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:* Ông Dương Đỗ Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị L trả số tiền còn lại mà ông Tr đã góp vốn là 850.000.000đồng; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng góp vốn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Long Đất theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Đỗ Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Trần Văn B mặc dù được Tòa

triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sau khi hội ý đã thống nhất tiếp tục xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Đỗ Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa tuyên hủy hợp đồng góp vốn là giấy cam kết viết tay ngày 24/4/2020 do bà Trần Thị L đã lừa dối ông Tr về việc góp vốn nhận chuyển nhượng đất nhưng thực tế không có thửa đất nào và ông cũng không được chia lợi nhuận như cam kết. Buộc bà Trần Thị L trả số tiền còn lại mà ông Tr đã góp vốn là 850.000.000đồng.

Sau khi xem xét giấy cam kết lập ngày 24/4/2020 và lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào thời điểm ký kết các bên đều hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận góp vốn có đầy đủ các điều kiện có hiệu lực tại Điều 117 Bộ luật dân sự. Về hình thức của hợp đồng góp vốn, theo quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự, hợp đồng góp vốn không phải là giao dịch phải tuân thủ về mặt hình thức, vì vậy Giấy cam kết viết tay lập ngày 24/4/2020 giữa ông Tr và bà L hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về mặt hình thức. Về nội dung, ông Tr và bà L có ký kết giấy cam kết với nội dung bà Trần Thị L có nhận chuyển nhượng đất chung với ông Dương Đỗ Tr và bà L nhận số tiền 1.440.000.000đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) là tài sản góp vốn của ông Tr. Vì vậy, giấy cam kết ngày 24/4/2020 là giao dịch hợp pháp thỏa mãn các điều kiện về hình thức và nội dung của hợp đồng góp vốn.

Xét hiệu lực của hợp đồng: Tại giấy cam kết ngoài nội dung bà L nhận số tiền mặt 1.440.000.000đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) nhận chuyển nhượng đất chung thì không thể hiện các nội dung khác như tỷ lệ vốn góp của mỗi bên, tỷ lệ chia lợi nhuận, thửa đất nhận chuyển nhượng, thời gian nhận chuyển nhượng. Đồng thời, theo lời trình bày của nguyên đơn, ông có được bà L dẫn đi xem nhà đất sau khi ký giấy cam kết và đã đồng ý mua căn nhà đó, nhưng sau đó được bà L thông báo lại là căn nhà đó tranh chấp nên không thể giao dịch được. Sau đó lại được bà L thông báo đã nhận chuyển nhượng xong thửa đất nhưng đứng tên bà L, khi nào bán được thửa đất đó thì bà L sẽ chia lợi nhuận cho ông Tr dựa trên tỷ lệ phần vốn góp. Qua đó thấy rằng, ông Tr không được biết hoặc được bà L thông báo gì về việc bà L nhận chuyển nhượng thửa đất nào, thời điểm nào, giá cả bao nhiêu, ông Tr cũng không được đứng tên chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm ông Tr đến nhà hỏi thông tin về số tiền góp vốn thì bà L né tránh không gặp ông Tr, không đưa ra được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chứng cứ chứng minh đã sử dụng số tiền góp vốn đó để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận tại Giấy cam kết ngày 24/4/2020.

Từ đó cho thấy bà L đã sử dụng số tiền góp vốn của ông Tr không đúng với thỏa thuận, đưa ra thông tin sai lệch để ông Tr giao tiền nhưng không được biết về quá trình sử dụng tiền góp vốn, cũng không được chia lợi nhuận. Vì vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ đã giao kết tại hợp đồng góp vốn giữa ông Tr và bà L, căn cứ khoản 1 Điều 423 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử hoàn toàn có căn cứ để tuyên hủy hợp đồng góp vốn.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tr trình bày sau nhiều lần đến nhà hỏi thông tin về thửa đất mà bà L nhận chuyển nhượng cùng số tiền góp vốn và yêu cầu bà L phải trả lại toàn bộ số tiền góp vốn đã nhận thì bà L có chuyển khoản nhiều lần cho ông, tổng cộng số tiền ông đã nhận là 590.000.000đồng, đây là số tiền gốc mà bà L trả lại cho ông, không phải lợi nhuận hay tiền lãi phát sinh. Số tiền còn lại chưa trả là 850.000.000đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng). Do hợp đồng góp vốn bị hủy nên căn cứ Điều 427 Bộ luật dân sự, các bên ký kết khôi phục hiện trạng, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, vì vậy, ông Tr yêu cầu bà L trả số tiền góp vốn còn lại là 850.000.000đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy hợp đồng góp vốn là giấy cam kết viết tay ngày 24/4/2020 do bà Trần Thị L đã vi phạm nghĩa vụ, lừa dối ông Tr về việc góp vốn nhận chuyển nhượng đất nhưng thực tế không có thửa đất nào và ông cũng không được chia lợi nhuận như cam kết. Buộc bị đơn bà Trần Thị L phải trả số tiền còn lại cho nguyên đơn là 850.000.000đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông Dương Đỗ Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị L là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116; Điều 117; Điều 119; khoản 1 Điều 423; Điều 427 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Đỗ Tr.

- Hủy hợp đồng góp vốn bằng giấy cam kết ngày 24/4/2020 được ký kết giữa nguyên đơn ông Dương Đỗ Tr và bị đơn bà Trần Thị L.

- Buộc bà Trần Thị L phải trả số tiền góp vốn còn lại cho ông Dương Đỗ Tr là 850.000.000đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ L quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Đất;
- TAND huyện Long Đất;
- THADS huyện Long Đất;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Na